

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Toán Giải tích

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Đào Văn Dương

2. Ngày tháng năm sinh: 02/06/1981; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: xã Hòa Đồng, huyện Tây Hòa, Phú Yên

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Thôn Mỹ Thuận, xã Hòa Đồng, huyện Tây Hòa, Phú Yên

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Số 233 Lê Duẩn, Phường 7, thành phố Tuy Hòa, Phú Yên

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0978869440;

E-mail: daovanduong@muce.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 01,2004 đến tháng, năm 01,2008: Giáo viên tại Trường Cao đẳng Xây dựng Số 3 (nay là Trường Đại học Xây dựng Miền Trung),

Từ tháng, năm 02,2008 đến tháng, năm 02,2014: Giảng viên tại Trường Đại học Xây dựng Miền Trung

Từ tháng, năm 03,2014 đến tháng, năm 06,2014: Trưởng Bộ môn tại Trường Đại học Xây dựng Miền Trung

Từ tháng, năm 07,2014 đến tháng, năm 05,2022: Trưởng khoa tại Trường Đại học Xây dựng Miền Trung

Chức vụ hiện nay: Trưởng phòng; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Xây dựng Miền Trung

Địa chỉ cơ quan: Số 195, Hà Huy Tập, Bình Kiến, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Điện thoại cơ quan: 0257.3823.371

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Chưa nghỉ hưu

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường Đại học Phú Yên

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 19 tháng 8 năm 2003, số văn bằng: B.0532507, ngành: Toán học, chuyên ngành: Sư phạm Toán học; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 6 tháng 6 năm 2007, số văn bằng: A.0030817, ngành: Toán học, chuyên ngành: Toán Giải tích; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Quy Nhơn, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS [5] ngày 3 tháng 3 năm 2014, số văn bằng: 002868, ngành: Toán học, chuyên ngành: Phương trình vi phân và tích phân; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Biến đổi tích phân sóng nhỏ, toán tử Hardy-Cesàro và toán tử loại Hausdorff trên các không gian hàm. Bài toán bất đẳng thức trọng chuẩn cho hàm cực đại Hardy-Littlewood, toán tử tích phân kỳ dị, và toán tử Carleson cực đại giá trị véctor.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 6 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 3 cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 25 bài báo khoa học, trong đó 25 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
----	-----------------	-----------------	-----------------

1	Khen thưởng công trình Toán học năm 2013 của Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	2013
2	Khen thưởng công trình Toán học năm 2020 của Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học giai đoạn 2010 đến 2020	Viện nghiên cứu Cao cấp về Toán	2020
3	Bằng khen	Bộ Xây dựng	2016
4	Chiến sĩ thi đua cấp Ngành	Bộ Xây dựng	2017
5	Bằng khen	Bộ Xây dựng	2018

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Về tiêu chuẩn của nhà giáo:

+ Có tư tưởng, phẩm chất, đạo đức tốt;

+ Đạt trình độ chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm;

+ Có kỹ năng cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

- Về nhiệm vụ của nhà giáo:

+ Giảng dạy, giáo dục theo triết lý, mục tiêu giáo dục; thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục, đảm bảo chuẩn đầu ra cho từng học phần giảng dạy;

+ Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, nội quy, quy chế của Nhà trường và quy tắc ứng xử của nhà giáo;

+ Giữ gìn uy tín, danh dự và phẩm chất của nhà giáo; tôn trọng và đối xử công bằng đối với người học; đánh giá

công bằng, khách quan và bảo vệ các quyền lợi chính đáng của người học;

+ Không ngừng học tập, rèn luyện phẩm chất đạo đức nhà giáo, học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị, nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 8 năm 0 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2016-2017			1		330		330/363/203
2	2017-2018			3		360		360/398,4/203
3	2018-2019			2		210		210/220,5/203
03 năm học cuối								
4	2019-2020					240		240/258/203
5	2020-2021					152		152/181,6/146
6	2021-2022					315		315/325,5/176

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ Tiếng Anh trình độ tương đương cấp độ B2 của khung Châu Âu.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Phạm Văn Việt		X	X		12/2016 đến 06/2017	Trường Đại học Quy Nhơn	17/10/2017
2	Nguyễn Thị Hồng Liễu		X	X		12/2017 đến 06/2018	Trường Đại học Quy Nhơn	05/10/2018

3	Trương Lê Giang		X	X		12/2017 đến 06/2018	Trường Đại học Quy Nhơn	05/10/2018
4	Trần Nhật Tân		X	X		12/2017 đến 06/2018	Trường Đại học Quy Nhơn	05/10/2018
5	Huỳnh Thị Yến		X	X		12/2018 đến 06/2019	Trường Đại học Quy Nhơn	01/11/2019
6	Nguyễn Hoàng Nguyên		X	X		12/2018 đến 06/2019	Trường Đại học Quy Nhơn	01/11/2019

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu,

ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Xếp loại KQ
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Hướng dẫn giải bài tập Giải tích 2	CN	Quyết định số 382/QĐ-ĐHXDMT, ngày 08/8/2017 về việc công nhận các nhiệm vụ Nghiên cứu khoa học được nghiệm thu trong năm học 2016-2017 của Trường ĐHXD Miền Trung, cấp Cơ sở	1/9/2016 đến 15/6/2017	01/7/2017

1	Weighted Hardy-Littlewood operators and commutators on p-adic functional spaces	2	Không	p-Adic Numbers, Ultrametric Analysis and Applications	Scopus		5, 1, 65-82	02/2013
2	Wavelet bases in the Lebesgue spaces on the field of p-adic numbers	2	Không	p-Adic Numbers, Ultrametric Analysis and Applications	Scopus	4	5, 2, 106-121	05/2013
3	Boundedness of the wavelet integral operator on weighted function spaces	2	Không	Russian Journal of Mathematical Physics	ISI <i>IF: 1.432, Q1/Q2</i>	4	20, 3, 268-275	09/2013
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
4	The p-adic weighted Hardy-Cesàro operators on weighted Morrey-Herz space	2	Không	p-Adic Numbers, Ultrametric Analysis and Applications	Scopus		8, 3, 204-216	08/2016

5	Bounds for the weighted Hardy-Cesàro operator and its commutator on weighted Morrey-Herz type spaces	3	Không	Zeitschrift für Analysis und ihre Anwendungen/Journal of Analysis and its Applications	ISI IF: 0.735, Q2	3	35, 4, 489-504	10/2016
6	Weighted Estimates for Maximal Operators, Riesz Potential Operators and Commutators on p-Adic Lebesgue and Morrey Spaces	3	Không	p-Adic Numbers, Ultrametric Analysis and Applications	Scopus		11, 2, 123-134	05/2019
7	Two-weighted inequalities for Hausdorff operators in Herz-type Hardy spaces	3	Có	Mathematical Notes	ISI IF: 0.673, Q2	2	106, 1, 20-37	08/2019

8	Some Estimates for p-Adic Rough Multilinear Hausdorff Operators and Commutators on Weighted Morrey-Herz Type Spaces	3	Có	Russian Journal of Mathematical Physics	ISI <i>IF</i> : 1.432, Q1/Q2	2	26, 1, 9-31	03/2019
9	Maximal operators and singular integrals on the weighted Lorentz and Morrey spaces	3	Không	Journal of Pseudo-Differential Operators and Applications	ISI <i>IF</i> : 0.854, Q2		11, 1, 201-228	03/2020
10	Weighted estimates for commutators of Hausdorff operators on the Heisenberg group	3	Có	Russian Mathematics	ESCI		64, 2, 35-55	04/2020
11	Weighted Morrey-Herz space estimates for rough Hausdorff operator and its commutators	3	Có	Journal of Pseudo-Differential Operators and Applications	ISI <i>IF</i> : 0.854, Q2		11, 2, 753-787	06/2020

12	Weighted estimates for commutators of multilinear Hausdorff operators on variable exponent Morrey-Herz type spaces	3	Có	Czechoslovak Mathematical Journal	ISI <i>IF</i> : <i>0.338, Q3</i>		70, 3, 833-865	10/2020
13	Two weighted estimates for multilinear Hausdorff Operators on the Morrey-Herz Spaces	3	Có	Advances in Operator Theory	Scopus		5, 4, 1780-1813	09/2020
14	Vector valued maximal Carleson type operators on the weighted Lorentz spaces	3	Có	Zeitschrift für Analysis und ihre Anwendungen/Journal of Analysis and its Applications	ISI <i>IF</i> : <i>0.735, Q2</i>		39, 4, 433-460	10/2020
15	Multilinear Hausdorff operator on variable exponent Morrey-Herz type spaces	3	Có	Integral Transforms and Special Functions	ISI <i>IF</i> : <i>0.707, Q2</i>		31, 1, 62-86	01/2020

16	Hausdorff operator and commutator on weighted Morrey-Herz spaces on p-adic fields	1	Có	Analysis and Mathematical Physics	ISI <i>IF</i> : <i>IF</i> =1.548, <i>Q2/Q3</i>		11, 1, 26	03/2021
17	Generalized Multilinear Hausdorff Operators on the Heisenberg Group	1	Có	Results in Mathematics	ISI <i>IF</i> : <i>1.199, Q2</i>		76, 2, 1-24	05/2021
18	Rough Hausdorff operator and its commutators on the Heisenberg group	3	Có	Advances in Operator Theory	Scopus		6, 3, 1-19	07/2021
19	Weighted Lebesgue and central Morrey estimates for p-adic multilinear Hausdorff operators and its commutators	3	Không	Ukrains'kyi Matematychnyi Zhurnal (Ukrainian Mathematical Journal)	ISI <i>IF</i> : <i>0.446, Q3</i>		73, 7, 979-1004	07/2021

20	The p-Adic Hausdorff Operator and Some Applications to Hardy-Hilbert Type Inequalities	2	Không	Russian Journal of Mathematical Physics	ISI <i>IF</i> : 1.432, Q1/Q2		28, 7, 303 - 316	09/2021
21	Weighted Central BMO Type Space Estimates for Commutators of p-Adic Hardy-Cesàro Operators	3	Không	p-Adic Numbers, Ultrametric Analysis and Applications	Scopus		13, 4, 266-279	11/2021
22	Multilinear Hausdorff operator and commutators on weighted Morrey and Herz spaces	2	Có	Operators and Matrices	ISI <i>IF</i> : Q3		15, 4, 1541-1557	12/2021
23	Some new weighted estimates for p-adic multilinear Hausdorff type operator and its commutators on Morrey-Herz spaces	2	Có	Advances in Operator Theory	ESCI		7, 3, 1-21	05/2022

24	Weighted Triebel- Lizorkin and Herz Spaces Estimates for p-Adic Hausdorff Type Operator and its Applications	3	Có	Analysis Mathematica	ISI <i>IF</i> : 0.852, Q2	https://doi.org/10.1007/s00036-022-01904-0	04/2022
25	Multilinear Hausdorff operator on p- adic functional spaces and its applications	2	Có	Analysis and Mathematical Physics	ISI <i>IF</i> : 1.548, Q2/Q3	12, 3, 1- 22	06/2022

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 15 ([7] [8] [10] [11] [12] [13] [14] [15] [16] [17] [18] [22] [23] [24] [25])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
----	--	-----------------	--------------------	-----------------------------	------------

Không có

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Phú Yên, ngày 29 tháng 06 năm 2022

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)